TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **950**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 926/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Chị Đỗ Minh H, sinh năm: 1996, CCCD số: 0011196002329, Địa chỉ thường trú: Nhà E, lô A, phường N, thành phố Hà Nội.

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1995, CCCD số: 011095000010, Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã G, tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26/06/2026, các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Minh H và anh Nguyễn Văn D thống nhất trình bày: Ngày 10/7/2023, anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận B, thành phố Hà Nội (Nay là phường N, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79.

Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị sinh sống khá hạnh phúc. Nhưng quá trình chung sống đến tháng 7/2025 thì anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống gia đình rơi vào tình trạng căng thẳng. Anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng đều không có kết quả, không tìm được tiếng nói chung. Hai người có nhiều mâu thuẫn kéo dài khiến mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2]. Về con chung: Chị H, anh D xác định có 02 con chung là Nguyễn Triết An T, sinh ngày 29/2/2024 và cháu Nguyễn Triết An V, sinh ngày 10/12/2025. Khi ly hôn anh chị tự thoả thuận anh D là người trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Triết An T; chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Triết An V. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản, nhà đất, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Chị Đỗ Minh N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ngày 26/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Minh H và anh Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H, anh D xác nhận có 02 con chung là:

1. Cháu Nguyễn Triết An T, sinh ngày 29/2/2024 và

2. Cháu Nguyễn Triết An V, sinh ngày 10/12/2025

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự: Giao cháu Nguyễn Triết An T cho anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu cháu Nguyễn Triết An V cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đỗ Minh H và anh Nguyễn Văn D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: Chị Đỗ Minh H và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về lệ phí:*** Chị Đỗ Minh H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí chị H đã nộp theo Biên lai số 0015730 ngày 26/06/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 4- Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tuyết